TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2024/HN-ST
Ngày: 07/6/2024
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Đình Thung.**

Bà **Nguyễn Thị Nhàn**

- Thư ký phiên tòa*:* Bà **Trần Thị Ngọc Thúy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Quí** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp "*Xin ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2024/QĐST-HN ngày 21 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Nguyễn Thị H,** sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp Rạch, xã Thuận Hòa, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh

+ Bị đơn: **Huỳnh Văn K,** sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp Bình Cách, xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

(Chị H xin vắng mặt, anh K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Hoa trình bày:

Chị và anh K do quen biết, tìm hiểu nhau tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn được Uỷ ban nhân dân xã Yên Luông cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/02/2013. Qúa trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, do anh K không lo làm ăn, không chăm sóc gia đình, anh K lo ăn nhậu về đánh đập chị nhiều lần, dẫn đến thường hay cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chúng tôi đã ly thân từ năm 2019 đến nay, chị đã về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2019 đến nay, trong thời gian ly thân, anh K không liên lạc hay tới lui để rước chị hay tạo điều

kiện để hàn gắn vợ chồng

Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Có một con chung tên Huỳnh Phúc Th, sinh ngày 19/5/2009 hiện đang sống với anh K. Ly hôn, chị đồng ý giao cháu T cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp.

* Bị đơn anh K vắng mặt, mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát*:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H với anh K. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Phúc T, sinh ngày 19/5/2009 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: Chị H, anh K tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 23/02/2013 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị H có đơn xin vắng mặt các phiên xét xử của Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H.

Bị đơn anh K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh K.

[2] Về nội dung:

Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn chị H trình bày là có xảy ra bởi lẽ chị H cho rằng, chị và anh K từ khi cưới nhau về chung sống hạnh phúc đến năm 2019

do bất đồng quan điểm sống, do anh K không lo làm ăn, không chăm sóc gia đình, anh K lo ăn nhậu về đánh đập chị nhiều lần, dẫn đến thường hay cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị H đã về nhà cha mẹ sống và ly than từ năm 2019 đến nay.

Trong thời gian ly thân chị H, anh K không có biện pháp hàn gắn tình cảm, vì vậy khả năng vợ chồng đoàn tụ không thể xảy ra, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, Tòa án nhiều lần mời anh K đến hòa giải đoàn tụ nhưng anh không đến, điều này thể hiện anh K không còn thiết tha gì đến tình cảm, hạnh phúc vợ chồng. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở cần được chấp nhận phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

[3] Về con chung: Chị H đồng ý giao con chung tên Huỳnh Phúc T, sinh ngày 19/5/2009 hiện đang sống với anh K cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Xét ý kiến tự nguyện của chị H là có cơ sở bởi lẽ cháu T đang sống với anh K đã ổn định về tâm lý và chỗ ở nên cần tiếp tục giao cháu T cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Do anh K vắng mặt không trình bày ý kiến cũng như yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: ***Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.***

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Huỳnh Văn Kết.

- Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Phúc T, sinh ngày 19/5/2009 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền tới lui, thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp.

- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai số 0009361 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây. Như vậy, chị H đã nộp xong án phí.

Anh K, chị H kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm kể từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thanh Bình

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyeän GCT;
- C.c. THADS huyện GCT ;
- Ñöông söï;
- UBND xã Yên Luông;
- Löu hoà sô.